

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DI LINH  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-ST

Ngày 31-10-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Chung và bà Trần Thị Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn Đ**, sinh năm 1985 tại Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: thôn 13, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Vũ Thị T; vợ Ngô Thị C và có hai con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07-3-2018, có mặt.

2. **Triệu Dũng S**, sinh năm 1970 tại Nam Định; nơi đăng ký thường trú: thôn 2, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Lợi T và bà Ngô Thị T; vợ Phan Thị N và có bốn con; tiền sự: không; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2010/HSST ngày 02-02-2010 của TAND huyện Di Linh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2010/HSPT-QĐ ngày 01-3-2010 của TAND tỉnh Lâm Đồng, chấp hành án xong ngày 14-3-2015; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09-4-2018, có mặt.

**- Bị hại:**

1. Anh Lê Minh K, sinh năm 1992

Nơi cư trú: đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Anh Vũ Thanh H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn 11, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Anh Ngô Tiến Ngọc Đ1, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

3. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

6. Anh Vũ Xuân C, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

7. Anh Vũ Thành L, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Triệu Dũng S có nhu cầu muốn mua xe không có giấy tờ về để sử dụng nên vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21 tháng 6 năm 2017, Trần Văn Đ gọi điện cho S nói là có người bạn tên S1 ở Bảo Lộc có xe Wave hiệu Honda không có giấy tờ bán, Đ hỏi S có mua không. S đồng ý mua, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, S đi đến nhà mẹ vợ của Đ ở thôn 10, xã H thì gặp Đ và S1 thỏa thuận giá chiếc xe không giấy tờ là 1.800.000 đồng. Khi mua xe S hỏi S1 xe này chú mày lấy ở đâu (tức là hỏi trộm cắp ở đâu) thì S1 nói lấy ở xa lắm, cứ yên tâm. Sau khi thống nhất giá xong, S đưa cho S1 một tờ giấy có ghi số máy, số khung khác để yêu cầu Đ và S1 đọc lại cho S. Sau đó, Đ và S tháo dàn nhựa của xe ra, còn S1 đã cào số khung cũ: RLHJC4310BY634579, số máy cũ JC43E-1753909 rồi đục thành số khung mới: CX61000227, số máy mới 52FMFA000010 theo yêu cầu của S, khi đục xong S1 giao xe cho S, S đưa cho Đ 1.200.000 đồng, còn lại 600.000 đồng hẹn mấy hôm sau trả, S chạy về nhà sử dụng, sau khi cầm tiền của S, Đ đã đưa hết số tiền này cho S1. Khoảng một tuần sau S tiếp tục trả 600.000 đồng còn lại cho Đ, Đ lấy tiền và tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô mà S1 trộm cắp nhờ

Đ bán cho S là xe mô tô biển số 49K1 – 06296, chủ xe là anh Lê Minh K mất xe vào sáng ngày 21-6-2016.

Tại Kết luận giám định số 2071/PC54 ngày 07-9-2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, không biển số; sau giám định có số khung bị cạo xóa đục lại xác định được số nguyên thủy: RLHJC4310BY634579, số máy bị cạo xóa đục lại xác định được số nguyên thủy: JC43E-1753909.

Tại Kết luận số 451/KL-HĐĐG ngày 13-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Di Linh xác định: 01 xe máy Wave hiệu Honda, số khung CX61000227, số máy 52FMFA000010 giá trị tài sản là 6.400.000 đồng.

Quá trình điều tra Đ còn khai Đ và S1 có thực hiện một vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vào khoảng 24 giờ ngày 29-7-2016, anh Vũ Thanh H đến nhà Trần Văn Đ chơi và ngủ lại qua đêm. Khi tất cả đã ngủ, Đ dậy đi ra ngoài và phát hiện xe Exciter của Hoàng hiệu Yamaha, biển số 49G1-23510 để ở trước sân nhà, do không ưa thích H nên Đ dùng điện thoại di động nhắn tin cho S1 ở Bảo Lộc nội dung “Ở sân nhà em có chiếc xe máy, anh lên lấy đi”, Đ còn dặn S1 sau khi lấy xe thì mang đến nhà Trần Văn T (anh họ của Đ) để cất giấu. Sau đó, S1 đến nhà Đ lấy xe và chạy đến nhà anh T và nói cho Đ gửi chiếc xe, máy bữa nữa lấy. Đến khoảng 06 giờ ngày 30-7-2016, sau khi thức dậy không thấy xe của mình đâu, anh H đã trình báo Công an xã Hòa Bắc và Công an huyện Di Linh về việc bị mất trộm xe mô tô biển số 49G1 – 23510.

Đến khoảng hơn 10 ngày sau, Đ vào nhà anh T thấy xe máy biển số 49G1 – 23510 đã được S1 tháo biển số mang đi và tháo dàn nhựa ra để ở trong kho nhà anh T, do bị anh T và người nhà nghi ngờ, để khỏi bị phát hiện, lúc anh T không có ở nhà Đ đã ráp dàn nhựa của xe lại rồi mang xe này ra phía bờ ao cách nhà anh T khoảng 30m che bạt lên để cất giấu. Sau đó, Đ điện thoại báo cho S1 thì S1 bảo cứ để ở đó. Do không thấy S1 đến lấy xe, mấy ngày sau Đ điện thoại cho một người tên T1 ở Thành phố Hồ Chí Minh để bán xe, T1 đồng ý mua xe với giá 6.000.000 đồng, T1 lên gặp Đ và mua xe biển số 49G1-23510 với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, Đ giao xe cho T1 và lấy 6.000.000 đồng sử dụng mục đích cá nhân hết.

Tại Kết luận số 493/KL-HĐĐG ngày 27-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Di Linh xác định: 01 xe máy hiệu Yamaha, số loại Exciter, biển số 49G1-23510, số khung 710AY041788, số máy 5P71041790 giá trị tài sản là 31.600.000 đồng.

Ngoài ra, Đ còn khai nhận có cầm cố giúp S1 01 xe AirBlade, biển số 59Y1-27496 và mua bán hai xe mô tô không có biển số, giấy đăng ký xe, qua điều tra xác định việc Trần Văn Đ nhờ Ngô Tiến Ngọc Đ1 đi cầm chiếc xe nêu trên cho bà Vũ Thị L, do khi S1 nhờ Đ cầm xe có đưa giấy đăng ký xe, quá trình điều tra xác định

xe bị đục lại số máy, số khung, không xác định được số nguyên thủy, giấy đăng ký xe không phải là giấy do Bộ công an phát hành, cho nên không có cơ sở xác định chủ sở hữu hợp pháp nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đ và Đ1 về hành vi tiêu thụ này.

Đối với việc Đ khai nhận có mua hai chiếc xe không có biển số và giấy tờ đăng ký của Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn V, do khi mua bán không làm giấy tờ mua bán. T2 và V không thừa nhận có bán xe cho Đ. Mặt khác, hai chiếc xe này qua tra cứu không xác định được chủ sở hữu nên không có cơ sở để xử lý Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn V cùng những người mua xe là Vũ Thành L, Vũ Xuân C về trách nhiệm hình sự đối với hành vi mua bán ba chiếc xe máy này. Cơ quan điều tra Công an huyện Di Linh tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của Triệu Dũng S hai xe mô tô gồm: 01 xe Dream, biển số 49V4-1230, không có giấy tờ đăng ký và 01 xe Sirius, biển số 48H1 – 04745 đứng tên Trần D.

Triệu Dũng S khai nhận: Vào khoảng tháng 10 năm 2017, sau khi chấp hành án về, không có phương tiện đi lại nên S đã mua một xe Dream, không có biển số và giấy đăng ký xe, có số máy LC150FMG000010264, số khung là 513446 của một người tên H, không rõ nhân thân, lai lịch với giá 1.000.000 đồng. Sau khi đem về S đã ráp biển số 49V4-1230 vào dùng làm phương tiện đi lại cho đến khi bị cơ quan điều tra thu giữ. Qua điều tra xác minh, tra cứu thông tin của xe không xác định ai là chủ sở hữu, không có ai trình báo về việc mất trộm xe như trên.

Còn đối với xe biển số 48H1 – 04745 thì S khai nhận vào khoảng tháng 11 năm 2017, Trần Xuân Tr nhà ở Bảo Lâm đến gặp S và đề nghị cầm chiếc xe mô tô biển số 48H1 – 04745, giấy đăng ký xe tên Trần D với giá 4.000.000 đồng, S đồng ý cầm xe và đưa cho Tr 4.000.000 đồng và sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến khi bị cơ quan điều tra thu giữ. Qua giám định xác định xe biển số 48H1 – 04745 đã bị đục lại số máy, còn giấy đăng ký xe là giấy do Bộ công an phát hành, giấy đăng ký xe này là của anh Trần D ở Đắk Nông khi đi công tác bị rơi mất, hiện tại xe biển số 48H1 – 04745 anh D vẫn sử dụng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

01 xe mô tô hiệu Wave, hiệu Honda, số khung mới CX61000227, số máy mới 52FMFA000010 (số nguyên thủy: số khung RLHJC4310BY634579, số máy JC43E-1753909) thu giữ của S. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Minh K;

01 bộ đục số máy, số khung gồm: 27 thanh kim loại dài 06cm, một đầu in nổi các chữ cái từ A đến Z và 09 thanh kim loại dài 06cm có in các số nổi từ 0 đến 9, các thanh kim loại có in ký hiệu 5mm do S1 giao nộp;

01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 49Y1-27496 do bà L giao nộp;

01 xe mô tô hiệu City không có biển số và giấy đăng ký xe, số máy VZS152FMH392293, số khung DCH2N88B392293 do C giao nộp;

01 xe mô tô nhãn hiệu Havico, không có biển số, không có giấy đăng ký xe, có số máy VKV1P50MFG513466, số khung RMKDCG5UM6K513466 do L giao nộp;

01 xe mô tô Dream, biển số 49V4 – 1230, không có giấy tờ đăng ký, có số máy LC150FMG000010264, số khung là 010264, thu giữ của S;

01 xe mô tô Sirius, biển số 48H1 – 04745 và 01 đăng ký xe mang tên Trần D thu giữ của S.

Đối với những tang vật gồm 01 bộ đục số máy, số khung và 05 xe mô tô cho đến nay chưa xác định được bị hại, đang tạm gửi tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

*Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại anh Lê Minh K đã nhận lại xe bị mất, xe hư hỏng anh K đã tự khắc phục, không yêu cầu bồi thường gì thêm;

Anh Vũ Thanh H: Do quá trình điều tra không thu hồi được xe, gia đình Trần Văn Đ đã tác động gia đình bồi thường cho anh H số tiền 25.000.000 đồng, hiện nay anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm;

Đối với người liên quan bà L, do Đ và người nhà đã bồi thường số tiền cầm xe là 6.700.000 đồng cho bà L, hiện nay bà L không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Triệu Dũng S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo Trần Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” từ 09 đến 12 tháng tù, tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” từ tháng đến 06 tháng 09 tháng tù và tổng hợp hình phạt của hai tội danh. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-3-2018. Đối với Triệu Dũng S áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s, x khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-4-2018.

Đối chiếu khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 với khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian. Áp dụng khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử.

Đối với người tên là S1, đã trực tiếp bán xe cho Đ, S và cùng Đ thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của anh H. Đến nay Cơ quan điều tra vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa xử lý được, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của S1 để xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê Minh K, anh Vũ Thanh H và bà Vũ Thị L đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Wave, hiệu Honda, số khung mới CX61000227, số máy mới 52FMFA000010 (số nguyên thủy: số khung RLHJC4310BY634579, số máy JC43E-1753909) thu giữ của S. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Minh K;

01 bộ đục số máy, số khung gồm: 27 thanh kim loại dài 06cm, một đầu in nổi các chữ cái từ A đến Z và 09 thanh kim loại dài 06cm có in các số nổi từ 0 đến 9, các thanh kim loại có in ký hiệu 5mm do S1 giao nộp;

01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 49Y1-27496 do bà L giao nộp;

01 xe mô tô hiệu City không có biển số và giấy đăng ký xe, số máy VZS152FMH392293, số khung DCH2N88B392293 do C giao nộp;

01 xe mô tô nhãn hiệu Havico, không có biển số, không có giấy đăng ký xe, có số máy VKV1P50MFG513466, số khung RMKDCG5UM6K513466 do L giao nộp;

01 xe mô tô Dream, biển số 49V4 – 1230, không có giấy tờ đăng ký, có số máy LC150FMG000010264, số khung là 010264, thu giữ của S;

01 xe mô tô Sirius, biển số 49H1 – 04745 và 01 đăng ký xe mang tên Trần D thu giữ của S.

Đối với những tang vật gồm 01 bộ đục số máy, số khung; 01 đăng ký xe đề nghị tịch thu và tiêu hủy. 05 xe mô tô cho đến nay chưa xác định được bị hại, đang tạm gửi tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh đề nghị giao cho cơ quan điều tra Công an huyện Di Linh xử lý theo thẩm quyền.

- Về án phí: Các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng:

*Trần Văn Đ*: Thừa Hội đồng xét xử, trong thời gian bị tạm giam bị cáo suy

nghĩ thấy ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Triệu Dũng S:* Thừa Hội đồng xét xử, trong thời gian bị tạm giam bị cáo suy nghĩ thấy hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, làm công dân tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn Đ và Triệu Dũng S đều đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, vì muốn có tiền để phục vụ nhu cầu của bản thân nên bị cáo Đ đã cùng với một người tên S có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản trị giá 31.600.000 đồng; Đ và bị cáo S đã thực hiện hành vi mua bán tài sản là xe mô tô do người tên S1 trộm cắp trị giá 6.400.000 đồng, S biết rõ tài sản Đ và S1 tiêu thụ là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận điều tra và cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo Trần Văn Đ và Triệu Dũng S đều phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết rõ tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, vì muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang và không yên tâm lao động sản xuất. Do vậy, việc xét xử đối với các bị cáo phải thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới

có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng:

Đối với Đ: Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự của Phòng PV27 Công an tỉnh Lâm Đồng và lý lịch bị cáo thể hiện: Bị cáo có hành vi “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” nhưng không xác định được là tiền sự, tiền án, qua báo cáo kết quả rà soát, xác minh tiền án, tiền sự ngày 01-10-2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh thì Định có hành vi chở gỗ, bị lập danh chỉ bản nhưng không xử lý, từ năm 2003 đến nay Công an huyện Di Linh không xử lý phạt vi phạm hành chính Trần Văn Đ nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng khi quyết định hình phạt.

Đối với S: Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự của Phòng PV27 Công an tỉnh Lâm Đồng và lý lịch bị cáo thể hiện: Bị cáo S đã bị xét xử Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2010/HSST ngày 02-02-2010 của TAND huyện Di Linh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2010/HSPT-QĐ ngày 01-3-2010 của TAND tỉnh Lâm Đồng, chấp hành án xong ngày 14-3-2015, chưa được xóa án tích là *tái phạm* nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với Đ đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo S có cha là ông Triệu Lợi T là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến nên áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Trong vụ án này, đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì bị cáo Đ và S là đồng phạm. Xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội thì S là người khởi xướng, rủ rê và cùng Đ thực hiện phạm tội, còn Đ là người tích cực thực hiện, chủ động báo cho S khi tìm được xe để tiêu thụ. Do vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi đã thực hiện.

[4] Đối với người tên S1 là người đã trực tiếp bán xe cho Đ, S, ngoài ra còn cùng Đ thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của anh H. Đến nay cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa có đủ cơ sở để xử lý đối với hành vi của S1, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của S1 để xử lý sau.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Minh K đã nhận lại tài sản bị mất, xe có hư hỏng đã tự khắc phục; bị hại anh Vũ Thanh H không thu hồi xe được, gia đình

bị cáo Đ đã bồi thường 25.000.000 đồng; bà Vũ Thị L đã cầm xe 6.700.000 đồng, gia đình Đ đã bồi thường xong; anh K, anh H và bà L không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 bộ đục số máy, số khung gồm: 27 thanh kim loại dài 06cm, một đầu in nổi các chữ cái từ A đến Z và 09 thanh kim loại dài 06cm có in các số nổi từ 0 đến 9, các thanh kim loại có in ký hiệu 5mm(3/16) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và 01 đăng ký xe đứng tên Trần D (Sau khi mất Trần D đã đăng ký lại guất đăng ký xe, bút lục 221) cần tịch thu và tiêu hủy;

- **01** xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59Y1-27496, số máy APE0057944, số khung AP0057944 (chủ xe là Nguyễn Thị Thanh N, bà N khai chiếc xe này đã bán cho một người khác chưa làm thủ tục sang tên, bà N không còn là chủ sở hữu, không xác định được người mua, bút lục 53); **01** xe mô tô hiệu City, không có biển số và giấy đăng ký xe, số máy VZS152FMH392293, số khung DCH2N88B392293 (qua xác minh nguồn gốc không tìm thấy dữ liệu, bút lục 82, 83) nên tịch thu và nộp ngân sách nhà nước.

- **01** xe mô tô nhãn hiệu Havico, không có biển số, không có giấy đăng ký xe, có số máy VKV1P50MFGH513466, số khung RMKDCG5UM6K513466 do Vũ Thành Luân giao nộp, chưa xác minh nguồn gốc (xác minh nhưng không đúng số máy); **01** xe mô tô Dream, biển số 49V4 – 1230, không có giấy tờ đăng ký, có số máy LC150FMG000010264, số khung là 010264; **01** xe mô tô Sirius, biển số 48H1 – 04745. Cả ba xe không có giấy tờ hợp pháp nên giao cho Công an huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử lý theo thẩm quyền.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-9-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Bút lục số 278.)

[7] Về án phí: Bị cáo Đ và bị cáo S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Tuyên bố:**

1.1. Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” ; Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 3 năm 2018.

1.2. Bị cáo Triệu Dũng S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Triệu Dũng S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 4 năm 2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ đục số máy, số khung gồm: 27 thanh kim loại dài 06cm, một đầu in nổi các chữ cái từ A đến Z và 09 thanh kim loại dài 06cm có in các số nổi từ 0 đến 9, các thanh kim loại có in ký hiệu 5mm(3/16) và 01 đăng ký xe mang tên Trần D.

2.2. Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: **01** xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59Y1-27496, số máy APE0057944, số khung AP0057944 và **01** xe mô tô hiệu City, không có biển số và giấy đăng ký xe, số máy VZS152FMH392293, số khung DCH2N88B392293.

2.3. Giao cho Công an huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử lý theo thẩm quyền đối với: **01** xe mô tô nhãn hiệu Havico, không có biển số, không có giấy đăng ký xe, có số máy VKV1P50MFGH513466, số khung RMKDCG5UM6K513466; **01** xe mô tô Dream, biển số 49V4 – 1230, không có giấy tờ đăng ký, có số máy LC150FMG000010264, số khung là 010264; **01** xe mô tô Sirius, biển số 48H1 – 04745.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-9-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Bút lục số 278.)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Triệu Dũng S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân

dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại, người LQ (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Huỳnh Thị Mỹ Lệ**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:**

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử

phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

